

BỘ TƯ PHÁP
CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Biểu tượng
Luôn luôn đi cùng dân

**BẠN VÀ QUY ĐỊNH PHÁP
LUẬT VỀ VAY VỐN TÍN
DỤNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI HỘ
NGHÈO TẠI NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Một người nông dân vừa nói chuyện vui vẻ với một cán bộ ngân hàng chính sách xã hội, vừa chỉ tay về phía trước mặt có đàn bò đang thong thả gặm cỏ: "Gia đình tôi đã thoát nghèo rồi!"

Phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh,
dân chủ, công bằng, văn minh

NĂM 2013

Hộ nghèo được vay vốn

Hộ nghèo theo quy định về chuẩn nghèo, gồm:

☞ Hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4.800.000 đồng/người/năm) trở xuống;

☞ Hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người từ 500.000 đồng/người/tháng (từ 6.000.000 đồng/người/năm) trở xuống.

**Những trường hợp
không được vay vốn**

☞ Những hộ không còn sức lao động, những hộ độc thân đang trong thời gian thi hành án hoặc những hộ nghèo được chính quyền địa phương xác nhận loại ra khỏi danh sách vay vốn vì mắc tệ nạn cờ bạc, nghiện

hút, trộm cắp, lừa đảo không chịu lao động.

☞ Những hộ nghèo thuộc diện chính sách xã hội như: già cả neo đơn, khuyết tật, thiếu ăn do ngân sách nhà nước trợ cấp.

Điều kiện để được vay vốn

☞ Hộ nghèo có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú dài hạn tại địa phương nơi cho vay.

☞ Có tên trong danh sách hộ nghèo ở xã, phường, thị trấn.

☞ Hộ vay không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên của Tổ tiết kiệm và vay vốn, được Tổ bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã.

☞ Chủ hộ hoặc người thừa kế được ủy quyền giao dịch là người đại diện hộ gia đình chịu trách nhiệm trong mọi quan hệ với Ngân hàng

Chính sách xã hội (CSXH), là người trực tiếp ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Nguyên tắc vay vốn

☞ Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

☞ Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn thỏa thuận.

Mục đích vay vốn

❖ Cho vay để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

☞ Mua sắm các loại vật tư, thiết bị; giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, gia cầm... phục vụ cho các ngành trồng trọt, chăn nuôi;

☞ Mua sắm các công cụ lao động nhỏ như: cày, bừa, cuốc, thuổng, bình phun thuốc trừ sâu...;

☞ Các chi phí thuê làm đất, bơm nước, dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật...;

☞ Đầu tư làm các nghề thủ công trong hộ gia đình như: mua nguyên vật liệu sản xuất, công cụ lao động thủ công, máy móc nhỏ...;

☞ Chi phí nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản như: đào đắp ao hồ, mua sắm các phương tiện ngư lưới cụ...;

☞ Góp vốn thực hiện dự án sản xuất kinh doanh do cộng đồng người lao động sáng lập và được chính quyền địa phương cho phép thực hiện.

❖ Cho vay để làm mới, sửa chữa nhà ở:

☞ Cho vay làm mới nhà ở thực hiện theo từng chương trình, dự án của Chính phủ.

☞ Cho vay sửa chữa nhà ở bị hư hại, đột nát: mua nguyên vật liệu xây dựng, chi trả tiền công lao động phải thuê ngoài.

❖ Cho vay điện sinh hoạt:

☞ Chi phí lắp đặt đường dây dẫn điện từ mạng chung của thôn, xã tới hộ vay như: cột, dây dẫn, các thiết bị thấp sáng...;

☞ Cho vay góp vốn xây dựng thủy điện nhỏ, các dự án điện dùng sức gió, năng lượng mặt trời; máy phát điện cho một nhóm hộ gia đình ở nơi chưa có điện lưới quốc gia.

❖ Cho vay nước sạch:

☞ Góp vốn xây dựng dự án cung ứng nước sạch đến từng hộ;

☞ Những nơi chưa có dự án tổng thể phát triển nước sạch thì cho vay làm giếng khơi; giếng khoan; xây bể lọc nước, chứa nước...

❖ Cho vay để trả các chi phí học tập như: học phí, mua sắm các thiết bị phục vụ học tập (sách, vở, bút mực...) của con em hộ nghèo đang theo học tại các trường phổ thông.

Mức cho vay

○ Mức cho vay tối đa đối với một hộ nghèo là 30 triệu đồng. Trong đó:

☞ Cho vay sản xuất, kinh doanh: tối đa 30 triệu đồng/1 hộ;

☞ Cho vay sửa chữa nhà ở: Tối đa không quá 03 triệu đồng/1 hộ;

☞ Cho vay điện thắp sáng: Tối đa không quá 1,5 triệu đồng/1 hộ;

☞ Cho vay nước sạch: Tối đa không quá 04 triệu đồng/1 công trình/1 hộ;

○ Ngoài mức cho vay trên đây, các hộ nghèo trên địa bàn 61 huyện nghèo khi vay vốn tại Ngân hàng CSXH còn được hưởng mức vay sau đây:

☞ Được vay ưu đãi một lần tối đa 5 triệu đồng/hộ với lãi suất 0% trong thời gian 02 năm để mua giống gia súc

(trâu, bò, dê) hoặc giống gia cầm chăn nuôi tập trung hoặc giống thủy sản;

☞ Đối với các hộ nghèo không có điều kiện chăn nuôi mà có nhu cầu phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tạo thu nhập được vay ưu đãi một lần, với số tiền tối đa là 5 triệu đồng, với lãi suất 0%, thời hạn 02 năm.

Lãi suất cho vay

☞ Lãi suất cho vay là 0,65%/tháng (áp dụng cho cả 02 thời hạn vay: ngắn hạn và trung hạn).

☞ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Thời hạn cho vay

☞ Vay ngắn hạn: đến 12 tháng (01 năm).

☞ Vay trung hạn: từ trên 12 tháng đến 60 tháng (05 năm).

☞ Ngân hàng CSXH và hộ vay thoả thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay; chu kỳ sản xuất, kinh doanh (đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ); khả năng trả nợ của hộ vay; nguồn vốn cho vay của Ngân hàng CSXH.

Quy trình, thủ tục vay vốn

Bước 1: Tự nguyện gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn, hộ vay viết Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất và Khế ước nhận nợ (theo mẫu in sẵn do Ngân hàng CSXH cấp) gửi cho Tổ tiết kiệm và vay vốn. Khi giao dịch với Ngân hàng, người vay hoặc người thừa kế hợp pháp phải có Chứng minh nhân dân, nếu không có Chứng minh nhân dân thì phải có Giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.

Bước 2: Tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức họp để bình xét những hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách kèm giấy đề nghị vay vốn trình

UBND cấp xã để xác nhận và phê duyệt danh sách người vay.

Bước 3: Tổ tiết kiệm và vay vốn gửi hồ sơ vay vốn tới Ngân hàng.

Bước 4: Ngân hàng phê duyệt cho vay và thông báo tới UBND cấp xã.

Bước 5: UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Bước 6: Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thông báo cho Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Bước 7: Tổ tiết kiệm và vay vốn thông báo cho tổ viên/hộ gia đình vay vốn biết danh sách hộ được vay, thời gian và địa điểm giải ngân.

Bước 8: Ngân hàng chuyển trả tiền vay đến người vay tại trụ sở ngân hàng hoặc tại xã, phường, thị trấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác.

2. Văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003 của Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo.

3. Văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc sửa đổi một số điểm của Văn bản số 316/NHCS-KH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo.

4. Văn bản số 2628/NHCS-NVTD ngày 15/12/2004 của Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay một phần nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt về sửa chữa nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập đối với hộ nghèo.